

Số: 16/2023/CV-CVN
V/v: giải trình công văn số 395/QĐ-
SGDHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Vinam đã nhận được Công văn số 395/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có hiệu lực từ ngày 24/04/2023 về việc đưa vào diện bị cảnh báo do có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022. Về nội dung trên, Công ty chúng tôi xin được giải trình như sau:

I. Trên báo cáo tài chính hợp nhất soát xét năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO có ý kiến ngoại trừ như sau :

“ Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ :

Hoạt động sản xuất phần mềm của Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam (Công ty con) với doanh thu trong kỳ 9.572.555.750 VND, giá vốn tương ứng 590.643.277 VND (năm 2021 doanh thu hoạt động này là 10.542.181.817 VND, giá vốn tương ứng là 1.357.077.657 VND). Công ty xác định đây là hoạt động được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành. Chúng tôi chưa thu thập đủ các tài liệu chứng minh Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam đủ điều kiện được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Nếu Công ty không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thì số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp trong kỳ là 1.616.408.116 VND (năm 2021 là 1.729.256.055 VND).

II. Đối với ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán, Công ty cổ phần Vinam giải trình như sau:

Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam (Công ty con) được thành lập ngày 05/11/2021, mã số thuế: 0109805330 với ngành nghề chính là "Lập trình máy vi tính" (mã 6201). Trong năm 2021 công ty tự sản xuất và bán phần mềm nên có phát sinh doanh thu 10.542.181.817 VNĐ. Theo các quy định về thuế hiện hành, Công ty xác định đây là hoạt động được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và kê khai, nộp thuế tại thời điểm phù hợp với Cơ quan thuế. Căn cứ cụ thể như sau:

1) Về căn cứ xác định sản phẩm phần mềm của Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam được miễn thuế.

❖ Căn cứ Điểm b Khoản 1, Khoản 6 Điều 15, Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN:

“Điều 15. Thuế suất ưu đãi

1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với:



b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: sản xuất sản phẩm phần mềm;...

Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm quy định tại Điểm này là dự án đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm thuộc danh mục sản phẩm phần mềm và đáp ứng quy trình về sản xuất sản phẩm phần mềm theo quy định của pháp luật;

6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới;...

Điều 16. Miễn thuế, giảm thuế

1. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư...”.

❖ Căn cứ Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, quy định sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

“16. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 16 như sau:

a) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định này”.

❖ Ngoài ra, về quy định miễn thuế, thời gian miễn thuế còn được hướng dẫn chi tiết tại khoản 1 điều 19, khoản 1 Điều 20 Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (Được sửa đổi bổ sung bởi khoản 11 Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC).

❖ Căn cứ Điều 3, Điều 4 Thông tư 13/2020/TT-BTTTT ngày 7/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/8/2020, thay thế Thông tư số 16/2014/TT-BTTTT ngày 18/11/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông). **Việc xác định phần mềm do doanh nghiệp sản xuất được quy định như sau:**

“Điều 3. Quy trình sản xuất sản phẩm phần mềm

Các công đoạn trong quy trình sản xuất sản phẩm phần mềm:

1. Xác định yêu cầu, bao gồm một hoặc nhiều tác nghiệp như: đưa ra hoặc hoàn thiện ý tưởng về phát triển sản phẩm phần mềm; mô tả các đặc tính (yêu cầu) của sản phẩm, các ngữ cảnh sử dụng sản phẩm; đề xuất, khảo sát, làm rõ yêu cầu đối

với sản phẩm phần mềm; phân tích nghiệp vụ; xây dựng yêu cầu hoàn chỉnh đối với sản phẩm phần mềm; tư vấn điều chỉnh quy trình; thống nhất yêu cầu, xét duyệt yêu cầu, khả năng kiểm soát và các cơ sở để xác nhận sự tuân thủ yêu cầu của sản phẩm.

2. Phân tích và thiết kế, bao gồm một hoặc nhiều tác nghiệp như: đặc tả yêu cầu (yêu cầu thuộc chức năng và không thuộc chức năng, các vấn đề cần được giải quyết); thiết lập bài toán phát triển; các kỹ thuật phù hợp được thực hiện để tối ưu hóa giải pháp, phân tích về tính đúng đắn và khả năng kiểm tra của phần mềm, phân tích ảnh hưởng của các yêu cầu phần mềm vào môi trường vận hành, các yêu cầu được ưu tiên, chấp thuận và được cập nhật khi cần thiết; mô hình hóa dữ liệu; mô hình hóa chức năng; mô hình hóa luồng thông tin; xác định giải pháp phần mềm; thiết kế giải pháp, thiết kế hệ thống phần mềm; thiết kế dữ liệu, thiết kế kiến trúc của phần mềm, thiết kế các đơn vị, mô đun thành phần phần mềm; thiết kế bảo mật, an toàn thông tin cho phần mềm; thiết kế giao diện trải nghiệm khách hàng.

3. Lập trình, viết mã lệnh, bao gồm một hoặc nhiều tác nghiệp như: viết chương trình phần mềm; lập trình các đơn vị, mô đun phần mềm; chỉnh sửa, tùy biến, tinh chỉnh phần mềm; tích hợp các đơn vị phần mềm; tích hợp hệ thống phần mềm.

4. Kiểm tra, thử nghiệm phần mềm, bao gồm một trong những tác nghiệp như: xây dựng các kịch bản kiểm tra, thử nghiệm các đơn vị, mô đun phần mềm; thử nghiệm phần mềm; kiểm thử hệ thống phần mềm; kiểm thử chức năng phần mềm; thẩm định chất lượng phần mềm; đánh giá khả năng gây lỗi; xác định thỏa mãn yêu cầu khách hàng; nghiệm thu phần mềm

5. Hoàn thiện, đóng gói phần mềm, bao gồm một trong những tác nghiệp như: xây dựng tài liệu mô tả phần mềm, tài liệu hướng dẫn cài đặt, sử dụng phần mềm; đóng gói phần mềm; đăng ký mẫu mã; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

6. Cài đặt, chuyển giao, hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo hành sản phẩm phần mềm bao gồm một hoặc nhiều tác nghiệp như: chuyển giao (trọn gói sản phẩm hoặc quyền sử dụng sản phẩm dưới dạng cho thuê); hướng dẫn cài đặt sản phẩm phần mềm (trường hợp chuyển giao sản phẩm trọn gói); triển khai cài đặt sản phẩm phần mềm (trên hệ thống của khách hàng trong trường hợp chuyển giao trọn gói hoặc trên hệ thống cung cấp dịch vụ trong trường hợp cho thuê sản phẩm phần mềm); đào tạo, hướng dẫn (người sử dụng hoặc người thuê dịch vụ); kiểm tra sản phẩm phần mềm sau khi bàn giao hoặc sản phẩm phần mềm trên hệ thống cung cấp dịch vụ; sửa lỗi sản phẩm phần mềm sau bàn giao hoặc sản phẩm phần mềm trên hệ thống cung cấp dịch vụ; hỗ trợ sau bàn giao trong quá trình cho thuê dịch vụ; bảo hành sản phẩm sau bàn giao hoặc trong quá trình cho thuê dịch vụ; bảo trì sản phẩm phần mềm (trên hệ thống của khách hàng hoặc trên hệ thống cung cấp dịch vụ).

7. Phát hành, phân phối sản phẩm phần mềm, bao gồm một hoặc nhiều tác nghiệp như bán, cho thuê, phân phối, phát hành sản phẩm phần mềm tự sản xuất.

Điều 4. Xác định hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình

1. Hoạt động sản xuất một sản phẩm phần mềm của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại Điều 3 Thông tư này được xác định là hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình khi đối với sản phẩm đó tổ chức, doanh nghiệp **thực hiện ít**

740
G T
PHÂN
AM
G-T

nhất một trong hai công đoạn: Xác định yêu cầu, Phân tích và thiết kế quy định tương ứng tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

2. Hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm đáp ứng quy trình quy định tại Khoản 1 Điều này được thể hiện bằng một hoặc nhiều tài liệu sau, tương ứng với từng tác nghiệp thuộc các công đoạn mà tổ chức, doanh nghiệp đã thực hiện:

..."

Do vậy, với các căn cứ trên, Công ty cổ phần Vinam (công ty mẹ) xác định phần mềm do Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam (Công ty con) sản xuất và bán là thuộc trường hợp được miễn thuế.

2) Tại thời điểm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam đã chuyển hồ sơ chứng minh doanh nghiệp thuộc diện không chịu thuế cho kiểm toán tuy nhiên đơn vị kiểm toán thấy rằng hồ sơ chưa được hoàn thiện theo đúng hướng dẫn của cục thuế dẫn đến việc đơn vị kiểm toán chưa có cơ sở để kết luận doanh nghiệp có thuộc đối tượng được miễn thuế.

❖ Căn cứ Điều 22 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN, quy định về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN:

"Điều 22. Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN

Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế."

Do vậy, Công ty xác định đây là hoạt động được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và kê khai, nộp thuế tại thời điểm phù hợp với Cơ quan thuế.

III. Phương án để giải quyết vấn đề ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất soát xét năm 2022 như sau:

Công ty sẽ tích cực nghiên cứu các hướng dẫn chi tiết của thuế để hoàn thiện hồ sơ các bước sản xuất phần mềm và cùng với đơn vị kiểm toán để xác định cụ thể các yêu cầu được nêu trong chính sách thuế để Công ty cổ phần sản xuất phần mềm Vinam đủ điều kiện được miễn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty cổ phần Vinam. Kính mong Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và tạo điều kiện giúp đỡ Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Cty

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**



GIÁM ĐỐC
Dặng Việt Cường

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đưa vào diện bị cảnh báo

TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý Niêm yết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đưa vào diện bị cảnh báo đối với cổ phiếu CVN của Công ty cổ phần Vinam, cụ thể như sau:

- Lý do cảnh báo: Tổ chức kiểm toán có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 của CTCP Vinam;

- Cơ sở xem xét: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hăng Kiểm toán và Định giá ASCO.

- Quy định áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 37 Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Công ty cổ phần Vinam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực phải gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin kèm theo biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng chứng khoán bị cảnh báo. Định kỳ hàng quý (tính theo năm dương lịch) Công ty cổ phần Vinam phải giải

